

Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu
 Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026
 Khóa ngày: 5-7/6/2025
 Hội đồng: THPT Bà Rịa

ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	220001	Nguyễn Đỗ Hoài An		15/03/2010	THCS Phước Hưng	4.75	6.00	5.25	16.00
2	220002	Ngô Hoàng An	x	29/07/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	8.25	3.50	16.75
3	220003	Nguyễn Hoàng Khánh An	x	05/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.50	8.00	6.50	20.00
4	220004	Lã Lê Phú An		19/08/2010	THCS Nguyễn Du	6.75	5.75	5.00	17.50
5	220005	Đoàn Nguyễn Bình An		19/09/2009	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.75	8.00	5.50	18.25
6	220006	Nguyễn Trần Bình An	x	06/11/2009	THCS Kim Đồng	7.00	6.25	8.25	21.50
7	220007	Lê Bùi Phương Anh	x	19/11/2010	THCS Phước Nguyên	6.50	8.75	6.25	21.50
8	220008	Giang Công Đức Anh		08/10/2010	THCS Lê Quang Cường	4.25	5.00	3.50	12.75
9	220009	Nguyễn Duy Anh		15/11/2010	THCS Trương Công Định	5.25	8.75	6.75	20.75
10	220010	Đào Đức Hoàng Anh		18/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.25	6.00	3.50	13.75
11	220011	Nguyễn Hà Ngọc Anh	x	12/08/2010	THCS Lê Quang Cường	5.00	7.25	5.75	18.00
12	220012	Tạ Hoàng Anh		15/02/2010	THCS Lê Quang Cường	5.00	8.75	8.25	22.00
13	220013	Thạch Hoàng Ngọc Anh	x	11/05/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.25	7.25	8.00	21.50
14	220014	Lê Hồng Anh		01/06/2010	THCS Nguyễn Du	5.75	4.75	1.75	12.25
15	220015	Đồng Minh Anh	x	09/07/2010	THCS Phước Nguyên	5.00	7.00	4.75	16.75
16	220016	Vũ Minh Thùy Anh	x	09/07/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.50	7.75	6.00	20.25
17	220017	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	x	21/02/2010	THCS Phước Nguyên	4.75	4.25	5.25	14.25
18	220018	Phan Ngọc Quỳnh Anh	x	12/07/2010	THCS Lê Quang Cường	5.75	7.00	5.25	18.00
19	220019	Nguyễn Ngọc Xuân Anh	x	21/06/2010	THCS Trương Công Định	6.75	8.25	6.00	21.00
20	220020	Nguyễn Ngô Quỳnh Anh	x	20/01/2010	THCS Kim Đồng	5.75	8.00	5.50	19.25
21	220021	Phan Nguyễn Hoàng Anh		11/02/2010	THCS Nguyễn Du	6.00	8.75	6.50	21.25
22	220022	Đinh Nguyễn Quỳnh Anh	x	20/05/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.25	6.75	6.75	19.75
23	220023	Huỳnh Nhật Hồng Anh	x	20/04/2010	THCS Phước Nguyên	6.75	7.75	7.00	21.50
24	220024	Phạm Phan Tuệ Anh	x	20/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.25	5.50	2.50	13.25
25	220025	Phạm Quỳnh Anh	x	18/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.00	2.50	3.50	11.00
26	220026	Võ Quỳnh Anh	x	12/05/2010	THCS Nguyễn Du	5.25	7.50	6.75	19.50
27	220027	Phan Quỳnh Phương Anh	x	27/07/2010	THCS Lê Quang Cường	4.50	7.25	5.25	17.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
28	220028	Vũ Trần Quốc Anh		21/06/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.00	6.00	5.75	17.75
29	220029	Bùi Tuấn Anh		02/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.75	8.50	7.00	20.25
30	220030	Nguyễn Tuấn Anh		27/12/2010	THCS Tân Hưng	3.25	4.75	3.00	11.00
31	220031	Trần Tuấn Anh		29/05/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.25	8.00	4.50	16.75
32	220032	Trịnh Nguyễn Hồng Ân	x	16/09/2010	THCS Nguyễn Du	6.75	7.75	6.50	21.00
33	220033	Trần Thiên Ân		09/07/2010	THCS Tân Hưng	6.00	7.75	4.00	17.75
34	220034	Đỗ Duy Bảo		18/07/2010	THCS Lê Quang Cường	6.00	8.00	6.25	20.25
35	220035	Trần Duy Bảo		16/08/2010	THCS Tân Hưng	6.00	9.00	6.25	21.25
36	220036	Vũ Đào Gia Bảo		07/01/2010	THCS Phước Nguyên	6.25	7.75	4.50	18.50
37	220037	Thạch Đoàn Gia Bảo		29/09/2010	THCS Nguyễn Du	5.75	8.50	7.25	22.50
38	220038	Huỳnh Gia Bảo		17/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	7.00	8.75	8.75	24.50
39	220039	Lưu Gia Bảo		19/08/2010	THCS Phước Nguyên	5.50	8.25	4.25	18.00
40	220040	Phạm Ngọc Bảo		01/12/2010	THCS Trương Công Định	4.50	8.75	7.25	20.50
41	220041	Lê Nguyễn Gia Bảo		15/01/2010	THCS Trương Công Định	5.50	6.25	6.50	19.25
42	220042	Đinh Thành Bảo		06/01/2010	THCS Kim Đồng	5.50	5.75	3.50	14.75
43	220043	Ngô An Bình		14/05/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.25	9.25	9.50	25.00
44	220044	Nguyễn Hoàng Bảo Châu		14/09/2010	THCS Nguyễn Du	5.75	8.00	4.50	18.25
45	220045	Lê Thị Bảo Châu	x	01/10/2010	THCS Trương Công Định	6.00	8.75	5.00	19.75
46	220046	Thạch Trần Ngọc Châu	x	03/12/2010	THCS Kim Đồng	6.50	7.75	6.25	21.50
47	220047	Trần Minh Chiến		09/08/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.25	6.00	4.75	16.00
48	220048	Nguyễn Văn Chương		10/10/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.50	8.50	7.00	21.00
49	220049	Vũ Mạnh Cường		11/11/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.25	7.75	5.25	18.25
50	220050	Nguyễn Minh Cường		12/01/2009	THCS Kim Đồng	3.00	2.50	6.25	11.75
51	220051	Cao Hồng Danh		11/10/2010	THCS Long Toàn	4.25	7.00	2.50	13.75
52	220052	Hồ Thị Ngọc Diễm	x	11/11/2010	THCS Trương Công Định	6.50	7.75	6.00	20.25
53	220053	Nguyễn Trần Ngọc Diệp	x	22/12/2010	THCS Lê Quang Cường	4.00	6.00	3.50	13.50
54	220054	Trần Ngọc Diệu	x	29/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.25	8.25	5.50	20.00
55	220055	Nguyễn Anh Duy		17/10/2010	THCS Nguyễn Du	4.00	8.25	3.50	15.75
56	220056	Nguyễn Hoàng Khánh Duy		22/07/2010	THCS Lê Quang Cường	5.50	7.50	9.50	22.50
57	220057	Nguyễn Nhật Duy		12/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.25	6.25	4.00	17.50
58	220058	Nguyễn Quốc Duy		22/09/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.75	8.25	8.00	23.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
59	220059	Vũ Trần Đức Duy		23/01/2010	THCS Phước Hưng	3.50	8.50	5.50	17.50
60	220060	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	x	18/03/2010	THCS Kim Đồng	6.00	4.00	3.25	13.25
61	220061	Nguyễn Đức Dũng		04/10/2010	THCS Tân Hưng	6.75	9.00	9.25	25.00
62	220062	Vy Hoàng Dũng		20/11/2010	THCS Nguyễn Du	5.25	7.25	7.25	20.75
63	220063	Nguyễn Tất Hùng Dũng		28/12/2010	THCS Lê Quang Cường	5.00	7.75	4.75	17.50
64	220064	Nguyễn Tiến Dũng		08/12/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.00	8.75	6.00	19.75
65	220065	Nguyễn Trí Dũng		02/11/2010	THCS Kim Đồng	5.75	7.25	5.50	18.50
66	220066	Cao Uy Dũng		13/09/2010	THCS Lê Quang Cường	4.00	6.50	6.50	17.00
67	220067	Nguyễn Hưng Kỳ Dương	x	25/01/2010	THCS Kim Đồng	6.00	5.00	8.75	19.75
68	220068	Võ Khánh Dương		05/03/2010	THCS Tân Hưng	5.25	4.00	4.00	14.25
69	220069	Nguyễn Thùy Dương	x	02/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.25	6.50	2.50	14.25
70	220070	Vũ Linh Đan	x	26/10/2010	THCS Lê Quang Cường	4.75	8.50	9.50	22.75
71	220071	Nguyễn Thị Hồng Đào	x	03/01/2010	THCS Tân Hưng	5.75	9.00	7.25	22.00
72	220072	Phan Đình Đại		04/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	3.25	3.25	3.50	10.00
73	220073	Trương Chấn Đạt		28/07/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.00	5.50	4.75	15.25
74	220074	Nguyễn Quốc Đạt		10/11/2009	THCS Phước Hưng	5.00	8.25	6.00	19.25
75	220075	Bùi Thành Đạt		15/11/2010	THCS Kim Đồng	4.00	7.00	5.75	16.75
76	220076	Dương Thành Đạt		19/02/2010	THCS Phước Hưng	4.75	7.50	7.75	20.00
77	220077	Nguyễn Thành Đạt		08/08/2010	THCS Phước Nguyên	5.50	4.75	2.50	12.75
78	220078	Nguyễn Thành Đạt		19/10/2010	THCS Nguyễn Du	5.50	7.25	5.50	18.25
79	220079	Nguyễn Trần Quốc Đạt		05/07/2010	THCS Phước Nguyên	6.00	8.75	7.50	22.25
80	220080	Phạm Võ Hoàng Đạt		10/12/2010	THCS Phước Hưng	4.25	6.75	7.00	18.00
81	220081	Trần Huỳnh Hải Đăng		29/08/2010	THCS Phước Hưng	3.75	8.50	8.50	20.75
82	220082	Lê Hoàng Anh Đông		10/08/2010	THCS Phước Hưng	5.00	8.50	6.50	20.00
83	220083	Nguyễn Thành Đồng		10/04/2010	THCS Lê Quang Cường	4.50	8.25	7.75	20.50
84	220084	Nguyễn Ngọc Đức		09/08/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.75	8.75	5.25	19.75
85	220085	Lê Nhân Đức		18/09/2010	THCS Lê Quang Cường	4.00	8.75	8.75	21.50
86	220086	Đặng Trung Đức		24/06/2010	THCS Kim Đồng	4.00	4.50	4.25	13.75
87	220087	Đoàn Ngọc Hương Giang	x	30/08/2010	THCS Phước Nguyên	5.00	7.75	7.50	20.25
88	220088	Trương Nguyên Giáp		21/10/2010	THCS Tân Hưng	6.00	6.25	4.00	16.25
89	220089	Trần Kim Hà	x	31/07/2010	THCS Long Toàn	6.00	8.25	6.50	20.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
90	220090	Phạm Ngọc Bảo Hà	x	17/11/2010	THCS Trương Công Định	4.50	7.50	7.50	19.50
91	220091	Châu Thị Phương Hà	x	15/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.00	6.00	3.50	13.50
92	220092	Phạm Bùi Duy Hào		06/03/2010	THCS Long Toàn	4.50	8.75	6.25	19.50
93	220093	Đồng Nguyễn Vĩ Hào		15/11/2010	THCS Kim Đồng	5.00	6.50	6.25	17.75
94	220094	Đinh Thanh Hào		30/01/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.75	7.25	4.75	16.75
95	220095	Hoàng Đại Hải		27/02/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.00	8.75	5.00	18.75
96	220096	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	x	29/06/2010	THCS Kim Đồng	5.50	5.75	6.00	17.25
97	220097	Nguyễn Thị Thu Hằng	x	11/01/2010	THCS Lê Quang Cường	5.75	6.50	3.75	16.00
98	220098	Phạm Thu Hằng	x	26/04/2010	THCS Trương Công Định	6.25	8.50	6.50	21.25
99	220099	Dương Gia Hân	x	13/02/2010	THCS Nguyễn Du	6.50	7.25	5.00	18.75
100	220100	Phạm Gia Hân	x	14/09/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	4.00	2.50	12.75
101	220101	Trần Gia Hân	x	28/09/2010	THCS Nguyễn Du	5.25	5.25	7.25	17.75
102	220102	Lê Hoàng Bảo Hân	x	26/05/2010	THCS Nguyễn Du	6.50	6.75	4.75	18.00
103	220103	Vũ Hoàng Gia Hân	x	15/04/2010	THCS Nguyễn Du	7.25	8.50	9.00	24.75
104	220104	Nguyễn Ngọc Hân	x	12/06/2010	THCS Nguyễn Du	7.00	7.50	4.50	19.00
105	220105	Võ Ngọc Hân	x	28/04/2010	THCS Phước Nguyên	3.75	8.25	4.75	16.75
106	220106	Trần Ngọc Bảo Hân	x	18/03/2010	THCS Kim Đồng	6.00	2.75	4.50	13.25
107	220107	Trần Thị Kim Hiền	x	26/07/2010	THCS Trương Công Định	6.75	8.75	7.00	22.50
108	220108	Dương Minh Hiếu		07/07/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	7.25	7.00	20.50
109	220109	Đỗ Minh Hiếu		22/08/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.25	8.50	7.00	21.75
110	220110	Võ Minh Hiếu		03/11/2010	THCS Phước Hưng	5.75	7.50	5.50	18.75
111	220111	Nguyễn Trọng Hiếu		27/10/2010	THCS Phước Nguyên	7.25	8.50	8.50	24.25
112	220112	Hà Trung Hiếu		24/12/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.25	7.00	7.25	18.50
113	220113	Đinh Hoàng Hiệp		16/02/2010	THCS Phước Nguyên	7.50	8.75	10.00	26.25
114	220114	Nguyễn Thanh Hoài		29/08/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.50	9.00	6.25	21.75
115	220115	Mai Thiên Hoàng		23/11/2010	THCS Lê Quang Cường	6.00	8.75	5.25	20.00
116	220116	Đặng Vũ Hoàng		18/09/2010	THCS Tân Hưng	5.00	6.75	3.75	15.50
117	220117	Nguyễn Vũ Huy Hoàng		05/01/2010	THCS Phước Hưng	5.25	5.50	4.50	15.25
118	220118	Cao Duy Hòa		22/04/2010	THCS Nguyễn Du	6.50	7.25	6.75	20.50
119	220119	Nguyễn Kim Hồng	x	05/07/2010	THCS Nguyễn Du	7.00	8.75	6.00	21.75
120	220120	Vũ Gia Huy		15/02/2010	THCS Lê Quang Cường	6.00	8.50	7.50	22.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
121	220121	Trịnh Hoàng Huy		18/01/2010	THCS Lê Quang Cường	4.75	8.50	7.75	21.00
122	220122	Lại Kỳ Huy		13/03/2010	THCS Lê Quang Cường	4.75	8.25	7.00	20.00
123	220123	Nguyễn Lê Quang Huy		13/08/2010	THCS Trương Công Định	6.00	8.50	9.00	23.50
124	220124	Tôn Long Huy		14/07/2010	THCS Tân Hưng	6.75	9.50	7.00	23.25
125	220125	Đinh Ngọc Huy		07/10/2010	THCS Nguyễn Du	5.50	7.00	5.25	17.75
126	220126	Nguyễn Phương Huy		02/02/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.25	5.75	5.25	15.25
127	220127	Ngô Quang Huy		05/03/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.00	7.75	5.25	18.00
128	220128	Nguyễn Quang Huy		30/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.00	7.50	6.75	19.25
129	220129	Phạm Ngọc Huyền	x	11/09/2010	THCS Phước Nguyên	5.00	7.00	6.00	18.00
130	220130	Nguyễn Thu Huyền	x	06/01/2010	THCS Lê Quang Cường	5.25	4.25	6.25	15.75
131	220131	Đặng Ngọc Hùng		02/08/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.75	7.25	6.50	18.50
132	220132	Trần Thanh Hùng		08/10/2010	THCS Kim Đồng	3.50	5.75	6.00	15.25
133	220133	Nguyễn Trọng Việt Hùng		06/01/2010	THCS Lê Quang Cường	4.25	3.25	8.25	15.75
134	220134	Huỳnh Gia Hưng		04/07/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.50	6.25	4.00	14.75
135	220135	Nguyễn Tuấn Hưng		05/03/2010	THCS Phước Nguyên	3.00	2.00	2.50	7.50
136	220136	Phạm Lan Hương	x	05/05/2010	THCS Phước Hưng	4.25	5.50	6.00	15.75
137	220137	Nguyễn Ngọc Diễm Hương	x	06/02/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	8.75	5.50	19.25
138	220138	Trần Thị Hương	x	23/10/2010	THCS Tân Hưng	5.75	8.75	6.75	21.25
139	220139	Nguyễn Thị Diễm Hương	x	23/08/2010	THCS Lê Quang Cường	4.75	6.00	6.25	17.00
140	220140	Nguyễn Thuý Hường	x	08/05/2010	THCS Nguyễn Du	5.00	7.75	4.25	17.00
141	220141	Phạm Gia Khang		16/04/2010	THCS Long Toàn	5.25	6.25	4.00	15.50
142	220142	Trần Gia Khang		09/04/2010	THCS Nguyễn Du	4.50	8.25	5.50	18.25
143	220143	Vũ Hoàng Gia Khang		07/05/2010	THCS Kim Đồng	4.00	5.00	4.50	13.50
144	220144	Nguyễn Huỳnh Hải Khang		30/06/2010	THCS Lê Quang Cường	3.25	6.50	3.75	13.50
145	220145	Lê Minh Khang		06/02/2010	THCS Nguyễn Du	4.50	7.25	6.25	18.00
146	220146	Lê Nguyễn Như Khang	x	03/03/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng				0.00
147	220147	Trần Nhật Khang		27/05/2010	THCS Trương Công Định	5.00	8.75	9.00	22.75
148	220148	Nguyễn Quốc Khang		01/04/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.50	7.75	4.75	18.00
149	220149	Phạm Tấn Khang		15/04/2010	THCS Phước Nguyên	1.50	0.25	2.00	3.75
150	220150	Bùi Trọng Khang		27/07/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.50	8.50	7.00	21.00
151	220151	Phan Trọng Khang		15/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.50	5.50	5.25	16.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
152	220152	Nguyễn Các Khanh		17/09/2010	THCS Phước Nguyên	5.25	6.25	5.25	16.75
153	220153	Vũ Lê Minh Khánh	x	26/02/2010	THCS Tân Hưng	4.25	8.50	8.25	21.00
154	220154	Đỗ Ngọc Duy Khánh		13/06/2009	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.00	6.00	6.50	17.50
155	220155	Dương Nguyễn Quốc Khánh		02/09/2010	THCS Tân Hưng	5.50	7.50	4.25	18.25
156	220156	Võ Trần Ngọc Khánh	x	09/11/2010	THCS Phước Nguyên	6.50	7.50	5.00	19.00
157	220157	Nguyễn Vũ Ngọc Khánh	x	02/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.00	4.75	3.00	10.75
158	220158	Trang Anh Khoa		31/03/2007	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.25	6.50	5.75	17.50
159	220159	Trần Anh Khoa		16/06/2010	THCS Phước Nguyên	4.75	6.50	4.25	15.50
160	220160	Võ Anh Khoa		20/04/2010	THCS Kim Đồng	5.25	6.25	5.00	16.50
161	220161	Nguyễn Đăng Khoa		15/08/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.50	8.75	8.25	22.50
162	220162	Nguyễn Đăng Khoa		17/09/2010	THCS Kim Đồng	5.75	6.75	5.50	18.00
163	220163	Nguyễn Đăng Khoa		07/12/2010	THCS Lê Quang Cường	4.00	5.00	5.50	14.50
164	220164	Trịnh Đăng Khoa		24/03/2010	THCS Trương Công Định	6.00	8.25	5.50	19.75
165	220165	Vũ Đăng Khoa		24/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.00	5.75	3.00	13.75
166	220166	Nguyễn Minh Khoa		16/11/2010	THCS Tân Hưng	5.00	8.00	5.00	18.00
167	220167	Vũ Nguyễn Đăng Khoa		07/01/2010	THCS Nguyễn Du	5.75	7.00	5.75	18.50
168	220168	Lê Trần Đăng Khoa		21/06/2010	THCS Trương Công Định	4.75	8.50	9.50	22.75
169	220169	Nguyễn Đăng Khôi		16/02/2010	THCS Tân Hưng	6.50	6.00	6.50	19.00
170	220170	Đăng Nguyễn Minh Khôi		31/03/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.25	6.50	4.25	16.00
171	220171	Mai Vũ Đông Khuê	x	25/02/2010	THCS Kim Đồng	6.25	7.75	6.00	20.00
172	220172	Nguyễn Anh Tuấn Kiệt		14/02/2010	THCS Phước Nguyên	7.00	8.25	4.00	19.25
173	220173	Huỳnh Thanh Kiệt		09/08/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	2.50	8.25	5.75	16.50
174	220174	Hồ Tuấn Kiệt		23/01/2010	THCS Trương Công Định	7.00	7.75	5.25	20.00
175	220175	Vũ Tuấn Kiệt		05/05/2010	THCS Lê Quang Cường	4.50	8.75	5.25	18.50
176	220176	Hoàng Bảo Lâm		18/09/2010	THCS Trương Công Định	3.50	8.50	6.00	18.00
177	220177	Phan Bảo Lâm	x	08/08/2010	THCS Nguyễn Du	6.75	8.50	7.50	22.75
178	220178	Phạm Hồng Lâm		23/02/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	7.00	8.75	8.75	24.50
179	220179	Đoàn Ngọc Thùy Lâm	x	08/06/2010	THCS Nguyễn Du	6.75	4.75	5.00	16.50
180	220180	Võ Ngọc Thùy Lâm	x	04/08/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.50	5.75	5.25	17.50
181	220181	Nguyễn Phúc Lâm		15/08/2010	THCS Kim Đồng	6.00	8.25	8.75	23.00
182	220182	Nguyễn Tùng Lâm		20/12/2010	THCS Long Toàn	3.75	6.50	3.00	13.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
183	220183	Lê Diệp Trúc Linh	x	27/04/2010	THCS Lê Quang Cường	4.75	6.75	5.00	16.50
184	220184	Nguyễn Hoàng Nhật Linh	x	27/07/2010	THCS Lê Quang Cường	7.00	8.25	7.75	23.00
185	220185	Nguyễn Khánh Linh	x	05/04/2010	THCS Tân Hưng	7.00	8.75	7.50	23.25
186	220186	Bùi Ngọc Khánh Linh	x	09/11/2010	THCS Kim Đồng	4.75	6.00	3.75	14.50
187	220187	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	x	02/09/2010	THCS Trương Công Định	6.50	7.75	6.00	20.25
188	220188	Bùi Ngọc Yến Linh	x	09/11/2010	THCS Kim Đồng	5.00	8.25	6.00	19.25
189	220189	Nguyễn Phạm Phương Linh	x	14/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.25	7.25	5.75	19.25
190	220190	Phạm Thị Khánh Linh	x	10/11/2010	THCS Phước Hưng	5.00	2.50	7.00	14.50
191	220191	Nguyễn Thị Thùy Linh	x	19/01/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	8.75	8.00	21.75
192	220192	Đỗ Thùy Linh	x	21/09/2010	THCS Nguyễn Du	8.25	8.50	5.25	22.00
193	220193	Lại Phong Lĩnh		13/03/2010	THCS Lê Quang Cường	5.50	7.50	6.75	19.75
194	220194	Nguyễn Bảo Long		14/01/2010	THCS Long Toàn	5.75	6.50	3.75	16.00
195	220195	Nguyễn Gia Long		04/11/2010	THCS Trương Công Định	3.25	2.25	1.75	7.25
196	220196	Nguyễn Hoàng Thiên Long		24/01/2010	THCS Trương Công Định	5.75	8.00	7.50	21.25
197	220197	Hoàng Thiên Long		29/11/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.50	7.00	4.75	16.25
198	220198	Phạm Võ Việt Long		04/02/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.75	8.25	7.25	21.25
199	220199	Lê Hoàng Minh Lộc		04/10/2010	THCS Nguyễn Du	4.75	8.00	3.75	16.50
200	220200	Nguyễn Tấn Lộc		07/12/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.25	8.25	5.00	18.50
201	220201	Đỗ Xuân Lộc		01/07/2010	THCS Long Toàn	6.50	8.50	6.00	21.00
202	220202	Trần Khánh Ly	x	22/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.50	6.50	3.75	15.75
203	220203	Nguyễn Thị Khánh Ly	x	10/03/2010	THCS Tân Hưng	5.75	9.00	8.00	22.75
204	220204	Bùi Thị Mỹ Ly	x	15/01/2010	THCS Kim Đồng	6.25	8.25	4.50	19.00
205	220205	Phạm Ngọc Mai	x	13/03/2010	THCS Kim Đồng	5.25	7.00	5.75	18.00
206	220206	Nguyễn Phúc Thanh Mai	x	17/01/2010	THCS Kim Đồng	5.75	5.25	5.75	16.75
207	220207	Đinh Hoàng Lê Minh		31/05/2010	THCS Phước Nguyên	5.50	7.25	5.75	18.50
208	220208	Nguyễn Hồng Minh		12/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.00	8.25	4.50	16.75
209	220209	Phan Nguyễn Khánh Minh		12/10/2010	THCS Tân Hưng	5.25	7.25	3.25	15.75
210	220210	Nguyễn Quang Minh		26/09/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.25	8.50	6.75	19.50
211	220211	Nguyễn Quốc Minh		24/11/2010	THCS Phước Hưng	5.50	8.75	9.50	23.75
212	220212	Trần Quốc Minh		21/10/2010	THCS Dương Văn Mạnh	7.50	8.50	6.00	22.00
213	220213	Trần Quốc Minh		22/04/2010	THCS Tân Hưng	6.00	7.75	4.50	18.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
214	220214	Thái Thiện Minh		23/03/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.25	8.75	8.00	23.00
215	220215	Đặng Tiểu Minh	x	02/12/2010	THCS Phước Hưng	4.75	7.00	9.50	21.25
216	220216	Nguyễn Hoài Nhật My	x	29/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.75	5.75	4.25	16.75
217	220217	Nguyễn Ngọc Trà My	x	12/09/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.25	8.00	7.00	21.25
218	220218	Lê Thiện Hoàng My	x	15/09/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	5.00	5.50	16.75
219	220219	Trần Thị Trà My	x	22/09/2010	THCS Dương Văn Mạnh	4.50	4.25	3.50	12.25
220	220220	Nguyễn Trần Diễm My	x	04/10/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.75	6.50	4.75	17.00
221	220221	Hoàng Tuyết My	x	10/04/2010	THCS Phước Hưng	6.00	4.50	9.00	19.50
222	220222	Trần Bảo Nam		15/12/2010	THCS Phước Hưng	4.75	3.50	4.00	12.25
223	220223	Tô Đại Nam		17/04/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.75	8.50	6.00	21.25
224	220224	Trần Đức Nam		07/07/2010	THCS Lê Quang Cường	6.00	8.50	7.00	21.50
225	220225	Nguyễn Hoàng Nam		29/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.00	8.75	7.25	22.00
226	220226	Nguyễn Văn Nam		24/02/2010	THCS Dương Văn Mạnh	7.00	7.25	5.25	19.50
227	220227	Lê Hoàn Phương Nga	x	30/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.00	8.75	5.00	19.75
228	220228	Dương Ngọc Nga	x	10/07/2010	Học viện Anh Quốc	5.00	6.50	5.00	16.50
229	220229	Phạm Ngọc Thanh Nga	x	20/10/2010	THCS Long Toàn	5.00	8.00	6.25	19.25
230	220230	Mai Hoàng Kim Ngân	x	08/04/2010	THCS Kim Đồng	3.75	5.50	4.50	13.75
231	220231	Phan Kim Ngân	x	25/05/2010	THCS Phước Hưng	4.50	7.25	7.75	19.50
232	220232	Ngô Phạm Ngọc Ngân	x	16/06/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)				0.00
233	220233	Văn Thanh Ngân	x	29/04/2010	THCS Nguyễn Du	6.75	9.50	6.50	22.75
234	220234	Hoàng Thị Kim Ngân	x	01/06/2010	THCS Nguyễn Du	6.50	7.50	6.00	20.00
235	220235	Lê Thu Ngân	x	20/10/2010	THCS Dương Văn Mạnh	7.25	9.25	9.75	26.25
236	220236	Hồ Triệu Tuyết Ngân	x	17/10/2009	THCS Nguyễn Du	5.00	2.50	3.00	10.50
237	220237	Phan Bảo Nghi	x	23/02/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.25	6.25	7.50	20.00
238	220238	Lê Ngọc Trúc Nghi	x	04/01/2010	THCS Lê Quang Cường	6.00	5.50	4.00	15.50
239	220239	Nguyễn Phương Nghi	x	06/10/2010	THCS Phước Hưng	6.00	7.75	9.25	23.00
240	220240	Nguyễn Quế Xuân Nghi	x	25/01/2010	THCS Phước Hưng	6.75	7.25	6.75	20.75
241	220241	Phạm Đức Nghĩa		03/07/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.50	8.25	4.50	19.25
242	220242	Ngô Bảo Ngọc	x	23/06/2010	THCS Long Toàn	7.00	6.00	2.75	15.75
243	220243	Hồ Diệu Ngọc	x	09/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.00	7.75	4.75	18.50
244	220244	Lương Hoàng Ngọc	x	25/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.25	8.25	4.50	19.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
245	220245	Phan Hoàng Bảo Ngọc	x	04/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.25	8.50	6.50	21.25
246	220246	Nguyễn Hương Khánh Ngọc	x	18/10/2010	THCS Kim Đồng	6.00	7.75	4.75	18.50
247	220247	Nguyễn Khánh Ngọc	x	02/09/2010	THCS Lê Quang Cường	5.50	8.50	5.00	19.00
248	220248	Nguyễn Khánh Ngọc	x	07/03/2010	THCS Tân Hưng	6.00	6.00	3.50	15.50
249	220249	Vũ Mai Hồng Ngọc	x	03/02/2010	THCS Kim Đồng	7.25	8.50	7.25	23.00
250	220250	Từ Mỹ Ngọc	x	19/08/2010	THCS Phước Hưng	6.00	4.75	3.00	14.75
251	220251	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	x	01/04/2010	THCS Nguyễn Du	5.50	5.50	2.00	14.00
252	220252	Trần Nguyễn Bích Ngọc	x	25/01/2010	THCS Kim Đồng	6.00	6.50	5.25	17.75
253	220253	Phạm Nguyễn Như Ngọc	x	08/07/2010	THCS Long Toàn	5.75	5.25	4.75	15.75
254	220254	Trịnh Phương Bảo Ngọc	x	17/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.25	8.25	2.75	17.25
255	220255	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	x	03/09/2010	THCS Dương Văn Mạnh	7.75	9.50	8.25	25.50
256	220256	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	x	17/02/2010	THCS Lê Quang Cường	5.50	5.75	4.00	15.25
257	220257	Mai Thị Bích Ngọc	x	01/11/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.75	8.25	6.25	21.25
258	220258	Đoàn Trần Anh Ngọc		10/02/2010	THCS Lê Quang Cường	5.00	6.75	6.00	17.75
259	220259	Nguyễn Cao Nguyên		19/12/2007	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.50	4.50	6.75	14.75
260	220260	Bạch Hoàng Bảo Nguyên		09/02/2010	THCS Nguyễn Du				0.00
261	220261	Đoàn Minh Thảo Nguyên	x	12/12/2010	THCS Long Toàn	5.75	8.75	8.25	22.75
262	220262	Phạm Xuân Nguyên		20/12/2010	THCS Tân Hưng	7.25	9.50	7.50	24.25
263	220263	Nguyễn Ngọc Tâm Nhân	x	18/03/2010	THCS Phước Hưng	6.25	6.00	5.50	17.75
264	220264	Trần Phước Nhân		15/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.75	8.00	7.50	22.25
265	220265	Phạm Thành Nhân		10/12/2010	THCS Long Toàn	5.25	8.00	7.50	20.75
266	220266	Nguyễn Đức Nhất		01/04/2010	THCS Tân Hưng	6.00	7.50	4.50	18.00
267	220267	Trần Long Nhật		16/11/2010	THCS Kim Đồng	5.25	7.50	6.00	18.75
268	220268	Huỳnh Minh Nhật		04/04/2010	THCS Tân Hưng	7.00	8.75	8.00	23.75
269	220269	Trần Minh Nhật		23/06/2010	THCS Phước Nguyên	7.00	6.50	6.25	19.75
270	220270	Trần Minh Nhật		01/05/2010	THCS Phước Nguyên	4.25	5.25	3.75	13.25
271	220271	Trần Minh Nhật		03/02/2010	THCS Nguyễn Du	6.50	8.50	7.00	22.00
272	220272	Nguyễn Trần Minh Nhật		15/06/2010	THCS Nguyễn Du	4.00	3.75	3.00	10.75
273	220273	Nguyễn Hà Anh Nhi	x	15/04/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	7.75	5.25	8.00	21.00
274	220274	Nguyễn Hoa Việt Nhi	x	12/09/2010	THCS Phước Nguyên	6.50	7.50	6.00	20.00
275	220275	Nguyễn Hoàng Bảo Nhi	x	04/02/2010	THCS Long Toàn	6.00	8.50	6.75	21.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
276	220276	Phạm Hoàng Thảo Nhi	x	08/03/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.25	8.00	4.25	18.50
277	220277	Lê Huỳnh Yến Nhi	x	09/09/2010	THCS Long Toàn	6.00	8.75	6.50	21.25
278	220278	Phạm Ngọc Bảo Nhi	x	28/01/2010	THCS Tân Hưng	5.75	8.75	7.25	21.75
279	220279	Mai Ngọc Hiền Nhi	x	21/12/2010	THCS Kim Đồng	5.25	7.00	3.00	15.25
280	220280	Huỳnh Nguyễn Yến Nhi	x	17/01/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.25	8.25	5.25	19.75
281	220281	Đào Thị Tuyết Nhi	x	19/11/2010	THCS Kim Đồng	5.75	5.50	5.25	16.50
282	220282	Trần Thị Yến Nhi	x	10/09/2010	THCS Trương Công Định	5.75	7.50	5.50	18.75
283	220283	Trần Thụy Hà Nhi	x	26/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.50	6.00	4.75	16.25
284	220284	Nguyễn Xuân Nhi	x	11/11/2010	THCS Trương Công Định	6.00	8.50	3.75	18.25
285	220285	Nguyễn Yến Nhi	x	31/08/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	6.25	6.75	19.25
286	220286	Trần Yến Nhi	x	05/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.00	6.50	3.00	15.50
287	220287	Nguyễn Khánh Như	x	21/10/2010	THCS Phước Hưng	3.75	7.00	6.50	17.25
288	220288	Hà Ngọc Bảo Như	x	23/04/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.50	8.75	6.00	21.25
289	220289	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	x	11/05/2010	THCS Phước Nguyên	6.00	2.00	4.75	12.75
290	220290	Mai Nguyễn Quỳnh Như	x	14/02/2010	THCS Phước Nguyên	2.50	3.50	2.25	8.25
291	220291	Phan Nguyễn Quỳnh Như	x	20/03/2010	THCS Phước Nguyên	6.00	6.25	2.00	14.25
292	220292	Hồ Phạm Quỳnh Như	x	26/08/2010	THCS Trương Công Định	4.75	4.25	4.50	13.50
293	220293	Nguyễn Thị Quỳnh Như	x	13/07/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.50	8.50	4.00	19.00
294	220294	Vũ Trần Thảo Như	x	06/08/2010	THCS Long Toàn	5.25	5.50	3.00	13.75
295	220295	Kiều Trịnh Quỳnh Như	x	13/10/2010	THCS Tân Hưng	6.50	5.75	3.00	15.25
296	220296	Bùi Thị Kim Oanh	x	18/02/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.00	6.25	4.75	17.00
297	220297	Nguyễn Thị Kim Oanh	x	07/07/2010	THCS Phước Hưng	4.50	7.00	6.50	18.00
298	220298	Nguyễn Đức Phát		09/01/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.25	5.50	6.50	18.25
299	220299	Nguyễn Hữu Phát		10/01/2010	THCS Tân Hưng	5.25	7.50	7.00	19.75
300	220300	Dương Minh Phát		15/08/2010	THCS Lê Quang Cường	5.75	7.25	6.50	19.50
301	220301	Trần Nhuận Phát		16/07/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.00	6.50	6.25	17.75
302	220302	Nguyễn Tấn Phát		22/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.00	5.75	5.00	15.75
303	220303	Phan Thành Phát		30/07/2010	THCS Phước Hưng	7.75	7.25	9.25	24.25
304	220304	La Thế Phong		23/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.50	3.75	9.75	19.00
305	220305	Điền Thiện Phong		25/05/2010	THCS Kim Đồng	6.25	7.75	5.50	19.50
306	220306	Phạm Đăng Phú		25/03/2010	THCS Long Toàn	6.25	8.75	6.75	21.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
307	220307	Mạc Hải Phú		10/01/2010	THCS Lê Quang Cường	7.00	8.50	6.25	21.75
308	220308	Nguyễn Hoàng Phú		08/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.00	7.75	5.75	19.50
309	220309	Phạm Bảo Phúc		21/07/2009	THCS Long Toàn	5.75	7.25	4.00	17.00
310	220310	Lê Cao Minh Phúc		16/01/2010	THCS Long Toàn	5.25	8.25	9.00	22.50
311	220311	Chu Hoàng Phúc		12/10/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.75	8.50	6.75	22.00
312	220312	Nguyễn Huy Phúc		15/01/2010	THCS Lê Quang Cường	4.75	5.25	4.25	14.25
313	220313	Đoàn Lê Thiên Phúc		02/11/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.50	7.00	4.50	17.00
314	220314	Phan Thiên Phúc		23/10/2010	THCS Tân Hưng	7.25	8.25	5.75	21.25
315	220315	Huỳnh Thị Kim Phụng	x	16/07/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.75	7.25	4.50	18.50
316	220316	Phạm Lê Khánh Phương	x	13/09/2010	THCS Phước Nguyên	7.00	6.25	2.75	16.00
317	220317	Trần Ngọc Mai Phương	x	10/11/2010	THCS Nguyễn Du	7.00	8.25	6.75	22.00
318	220318	Hoàng Sơn Phương		22/09/2010	THCS Tân Hưng	7.00	6.50	5.50	19.00
319	220319	Đào Thị Mai Phương	x	01/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	7.00	7.00	5.00	19.00
320	220320	Lê Hữu Phước		14/08/2009	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)				0.00
321	220321	Đoàn Thiên Phước		20/10/2010	THCS Phước Nguyên	7.25	8.50	9.25	25.00
322	220322	Nguyễn Thị Ngọc Phước	x	07/02/2010	THCS Phước Hưng	5.75	7.50	7.25	20.50
323	220323	Phạm Võ Nhật Quang		10/05/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.25	8.25	4.50	19.00
324	220324	Nguyễn Minh Quân		04/01/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.50	7.25	4.25	18.00
325	220325	Huỳnh Nguyễn Đông Quân		22/07/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.75	5.75	3.50	15.50
326	220326	Lê Anh Quốc		24/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.25	4.50	3.00	13.75
327	220327	Phan Mai Quyên	x	24/03/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.50	8.25	6.25	21.00
328	220328	Nguyễn Thị Thảo Quyên	x	05/03/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.25	8.75	5.50	20.50
329	220329	Nguyễn Ngọc Đan Quỳnh	x	11/04/2010	THCS Nguyễn Du	7.00	6.00	3.50	16.50
330	220330	Trần Nguyễn Thúy Quỳnh	x	12/08/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.25	5.75	6.50	18.50
331	220331	Phạm Như Quỳnh	x	16/09/2010	THCS Tân Hưng	6.50	6.25	7.00	19.75
332	220332	Vũ Như Quỳnh	x	11/04/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.75	4.50	2.25	11.50
333	220333	Lương Thị Quỳnh	x	12/04/2010	THCS Tân Hưng	4.75	3.50	3.00	11.25
334	220334	Trần Thị Như Quỳnh	x	29/03/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	7.25	7.50	7.50	22.25
335	220335	Nguyễn Trần Như Quỳnh	x	07/12/2010	THCS Phước Nguyên	5.50	7.50	7.50	20.50
336	220336	Nguyễn Nhật Trọng Sang		08/03/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.75	6.00	3.75	15.50
337	220337	Ngô Hoàng Sơn		08/07/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.75	9.50	8.00	23.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
338	220338	Hồ Lâm Sơn		06/07/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.25	6.50	3.75	16.50
339	220339	Nguyễn Tân Sơn		02/01/2010	THCS Tân Hưng	6.25	7.00	7.50	20.75
340	220340	Lê Văn Sơn		02/10/2010	THCS Tân Hưng	7.00	8.25	6.00	21.25
341	220341	Nguyễn Anh Tài		11/03/2010	THCS Trương Công Định	5.00	3.25	5.25	13.50
342	220342	Nguyễn Hữu Tài		07/06/2010	THCS Tân Hưng	5.00	7.00	9.50	21.50
343	220343	Trần Hữu Tài		15/12/2010	THCS Lê Quang Cường	4.75	8.25	4.00	17.00
344	220344	Huỳnh Lê Thanh Tâm	x	10/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.75	5.25	1.50	13.50
345	220345	Hoàng Thị Thanh Tâm	x	14/03/2010	THCS Phước Hưng	6.75	9.00	6.00	21.75
346	220346	Trần Đình Tân		01/08/2010	THCS Phước Nguyên	6.75	7.25	4.50	18.50
347	220347	Nguyễn Minh Tân		03/01/2010	THCS Tân Hưng	5.00	8.25	3.75	17.00
348	220348	Trần Dương Trúc Thanh	x	27/06/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.00	6.00	5.75	17.75
349	220349	Lê Quang Thanh		02/01/2010	THCS Tân Hưng	6.75	8.00	5.25	20.00
350	220350	Nguyễn Thành		30/03/2010	THCS Phước Hưng	5.75	7.50	6.25	20.50
351	220351	Phạm Công Thành		09/12/2010	THCS Trương Công Định	5.50	8.50	4.25	18.25
352	220352	Bùi Gia Thành		06/11/2009	THCS Trương Công Định	4.75	8.00	4.50	17.25
353	220353	Đậu Phú Thành		26/03/2010	THCS Tân Hưng	5.25	7.50	7.25	20.00
354	220354	Dương Quốc Thành		26/07/2009	THCS Tân Hưng	3.50	7.25	2.75	13.50
355	220355	Lê Hiền Thảo	x	27/01/2010	THCS Long Toàn	5.50	6.25	7.00	18.75
356	220356	Bùi Hoàng Thanh Thảo	x	01/02/2010	THCS Phước Hưng	6.75	6.00	4.50	17.25
357	220357	Trần Minh Thảo	x	30/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.75	6.00	4.75	16.50
358	220358	Đỗ Thị Ngọc Thảo	x	09/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.50	5.25	4.75	15.50
359	220359	Trần Thị Ngọc Thảo	x	14/01/2010	THCS Dương Văn Mạnh	7.25	8.75	8.75	24.75
360	220360	Trần Thị Phương Thảo	x	18/10/2010	THCS Dương Văn Mạnh	5.75	6.75	6.25	18.75
361	220361	Nguyễn Trần Thanh Thảo	x	16/09/2010	THCS Tân Hưng	7.00	7.00	7.00	21.00
362	220362	Nguyễn Quang Thái		14/01/2010	THCS Phước Nguyên	6.50	7.50	8.25	22.25
363	220363	Trương Quốc Thái		23/10/2010	THCS Tân Hưng	7.00	7.75	7.25	22.00
364	220364	Võ Trương Quốc Thái		19/04/2010	THCS Lê Quang Cường	5.25	8.25	3.75	17.25
365	220365	Hoàng Duy Thắng		15/07/2010	THCS Phước Hưng	3.50	8.25	6.50	18.25
366	220366	Trần Đức Thắng		30/04/2010	THCS Nguyễn Du	4.25	7.75	7.00	19.00
367	220367	Vũ Ngọc Thắng		04/01/2010	THCS Phước Nguyên	6.75	8.75	8.50	24.00
368	220368	Nguyễn Viết Thắng		24/11/2010	THCS Lê Quang Cường	5.75	9.00	3.00	17.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
369	220369	Nguyễn Hoàng Anh Thi	x	24/07/2010	THCS Nguyễn Du	4.00	7.00	3.50	14.50
370	220370	Phạm Khánh Thi	x	16/03/2010	THCS Nguyễn Du	7.00	8.50	7.50	23.00
371	220371	Hoàng Ngọc Minh Thi	x	27/03/2010	THCS Dương Văn Mạnh	7.25	8.00	6.50	21.75
372	220372	Nguyễn Đức Thiên		22/01/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.75	7.50	5.00	17.25
373	220373	Nguyễn Hoàng Bảo Thiên		25/10/2010	THCS Lê Quang Cường	5.25	8.00	5.25	18.50
374	220374	Đặng Nhật Thiên		16/01/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.50	8.25	5.25	19.00
375	220375	Nguyễn Anh Thiện		19/08/2010	THCS Phước Nguyên	5.75	6.25	4.50	16.50
376	220376	Thuận Ngọc Thiện		18/03/2010	THCS Phước Nguyên	6.00	8.25	4.50	19.75
377	220377	Nguyễn Đào Hoàng Thịnh		24/11/2010	THCS Phước Hưng	6.25	8.50	8.25	23.00
378	220378	Võ Điền Thịnh		22/10/2010	THCS Kim Đồng	5.75	5.25	4.25	15.25
379	220379	Ngô Văn Thịnh		13/07/2010	THCS Lê Quang Cường	4.75	8.50	6.75	20.00
380	220380	Nguyễn Minh Thuận		17/12/2010	THCS Long Toàn	6.25	8.50	8.75	23.50
381	220381	Nguyễn Cẩm Thuý	x	08/06/2010	THCS Lê Quang Cường	5.75	8.50	4.75	19.00
382	220382	Nguyễn Thị Thanh Thuý	x	18/05/2010	THCS Long Toàn	6.25	6.50	3.25	16.00
383	220383	Bùi Thị Thu Thủy	x	06/01/2010	THCS Kim Đồng	6.25	7.75	5.25	19.25
384	220384	Võ Toan Thụy	x	23/10/2010	THCS Lê Quang Cường	6.00	7.50	7.25	20.75
385	220385	Đỗ Anh Thư	x	02/09/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	8.25	9.00	23.50
386	220386	Nguyễn Anh Thư	x	31/08/2010	THCS Phước Nguyên	6.75	7.75	7.50	22.00
387	220387	Phạm Anh Thư	x	15/04/2010	THCS Lê Quang Cường	4.75	5.25	3.00	13.00
388	220388	Phạm Anh Thư	x	29/11/2010	THCS Nguyễn Du	7.75	9.00	8.00	24.75
389	220389	Trần Anh Thư	x	26/11/2010	THCS Long Toàn	5.00	6.25	2.50	13.75
390	220390	Bùi Đào Anh Thư	x	01/02/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.00	5.00	4.25	14.25
391	220391	Hà Ngọc Anh Thư	x	03/02/2010	THCS Dương Văn Mạnh	7.00	9.00	8.00	24.00
392	220392	Nguyễn Ngọc Anh Thư	x	05/02/2010	THCS Phước Hưng	5.50	8.25	6.00	19.75
393	220393	Nguyễn Ngọc Anh Thư	x	29/03/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	7.25	7.75	5.50	20.50
394	220394	Trần Nguyễn Anh Thư	x	16/07/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.25	6.00	3.00	15.25
395	220395	Nguyễn Thanh Thư	x	04/11/2010	THCS Kim Đồng	4.00	8.50	5.00	17.50
396	220396	Đinh Thị Anh Thư	x	12/05/2010	THCS Tân Hưng	6.75	8.50	3.25	18.50
397	220397	Nguyễn Thị Kim Thư	x	12/02/2010	THCS Tân Hưng	7.25	6.25	3.25	16.75
398	220398	Nguyễn Thị Minh Thư	x	30/03/2010	THCS Lê Quang Cường	4.75	7.00	6.50	18.25
399	220399	Phạm Trần Thanh Thư	x	27/07/2010	THCS Tân Hưng				0.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
400	220400	Nguyễn Hoài Thương	x	26/07/2009	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.25	8.25	5.00	18.50
401	220401	Lại Thị Ngọc Thương	x	01/09/2010	THCS Trương Công Định	5.75	9.00	8.50	23.25
402	220402	Phạm Nguyễn Bảo Thy	x	29/11/2010	THCS Lê Quang Cường	5.25	5.00	7.75	18.00
403	220403	Trịnh Văn Tiến		30/08/2010	THCS Phước Nguyên	5.00	6.25	3.50	14.75
404	220404	Nguyễn Trung Tính		03/07/2010	THCS Phước Hưng	5.00	7.25	5.25	17.50
405	220405	Nguyễn Trung Tính		01/02/2010	THCS Lê Quang Cường	4.25	8.00	7.00	19.25
406	220406	Hồ Diệu Quỳnh Trang	x	04/03/2010	THCS Trương Công Định	5.75	8.50	5.25	19.50
407	220407	Vũ Hà Yến Trang	x	02/10/2010	THCS Long Toàn	5.50	3.25	2.25	11.00
408	220408	Lê Hồ Thùy Trang	x	18/07/2010	THCS Tân Hưng	6.00	5.25	3.00	14.25
409	220409	Trần Ngọc Thiên Trang	x	31/07/2010	THCS Kim Đồng	5.75	7.25	6.75	19.75
410	220410	Phạm Nguyễn Hà Trang	x	03/03/2010	THCS Nguyễn Du	8.50	8.75	8.75	26.00
411	220411	Lê Nguyễn Minh Trang	x	29/10/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.75	7.00	6.50	20.25
412	220412	Trần Thị Phương Trang	x	13/04/2010	THCS Nguyễn Du	7.25	7.00	5.75	20.00
413	220413	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	x	15/01/2007	THCS Phước Hưng	7.50	7.25	3.25	18.00
414	220414	Phan Thị Thuỳ Trang	x	20/08/2010	THCS Tân Hưng	6.75	7.75	3.50	18.00
415	220415	Đặng Thị Yến Trang	x	13/03/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.50	4.50	4.00	13.00
416	220416	Hà Thùy Trang	x	23/12/2010	THCS Phước Nguyên	6.00	7.50	3.00	16.50
417	220417	Nguyễn Vũ Thùy Trang	x	08/02/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.00	5.75	5.25	17.00
418	220418	Vì Hồng Tráng		07/11/2010	THCS Phước Nguyên	6.75	8.25	7.50	22.50
419	220419	Lê Đỗ Ngọc Trâm	x	12/10/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	4.50	6.00	3.50	14.00
420	220420	Nguyễn Lê Uyên Trâm	x	04/10/2010	THCS Long Toàn	5.50	8.75	4.25	18.50
421	220421	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	x	03/07/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	6.75	6.50	19.50
422	220422	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	x	22/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.00	3.25	3.75	13.00
423	220423	Phạm Quỳnh Trâm	x	13/09/2010	THCS Lê Quang Cường	4.25	8.00	5.00	17.25
424	220424	Tạ Thị Bảo Trâm	x	26/06/2010	THCS Nguyễn Du	5.00	7.75	7.00	19.75
425	220425	Huỳnh Bảo Trân	x	22/09/2010	THCS Kim Đồng	5.50	5.75	6.25	17.50
426	220426	Bùi Ngọc Trân	x	08/02/2010	THCS Nguyễn Du	7.25	5.25	4.25	16.75
427	220427	Nguyễn Ngọc Trân	x	25/05/2010	THCS Long Toàn	5.50	7.50	7.75	20.75
428	220428	Trương Nguyễn Bảo Trân	x	11/05/2010	THCS Kim Đồng	6.50	5.50	7.00	20.00
429	220429	Hoàng Thị Ngọc Trân	x	21/03/2010	THCS Long Toàn	5.25	7.50	3.75	16.50
430	220430	Nguyễn Minh Triết		10/04/2010	THCS Phước Hưng	4.00	7.75	4.25	16.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
431	220431	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	x	03/05/2010	THCS Kim Đồng	5.50	4.25	4.00	13.75
432	220432	Bùi Thị Tuyết Trinh	x	03/12/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.50	5.00	5.25	15.75
433	220433	Phạm Đình Trí		29/05/2010	THCS Long Toàn	4.25	8.00	9.25	21.50
434	220434	Lê Đức Trí		02/11/2010	THCS Long Toàn	3.25	7.75	3.00	14.00
435	220435	Phạm Minh Trí		24/12/2009	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.00	1.00	2.00	6.00
436	220436	Vũ Minh Trí		24/06/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	3.00	7.25	5.25	15.50
437	220437	Phạm Quốc Trí		05/02/2010	THCS Long Toàn	6.25	8.00	8.25	22.50
438	220438	Hoàng Thế Trụ		10/05/2010	THCS Nguyễn Du	5.50	7.50	8.50	21.50
439	220439	Nguyễn Quốc Trường		23/05/2010	THCS Tân Hưng	4.50	7.25	5.50	17.25
440	220440	Hoàng Văn Trường		26/05/2010	THCS Phước Nguyên	6.25	7.75	7.25	21.25
441	220441	Vũ Anh Tuấn		18/09/2010	THCS Nguyễn Du	5.50	6.75	5.75	18.00
442	220442	Trần Đình Quốc Tuấn		27/10/2010	THCS Long Toàn	3.00	5.50	3.25	11.75
443	220443	Phạm Quốc Tuấn		26/08/2010	THCS Tân Hưng	6.00	8.25	5.00	19.25
444	220444	Nguyễn Dương Ngọc Tuyền	x	15/08/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.75	8.00	6.50	21.25
445	220445	Đỗ Kim Tuyền	x	25/07/2008	THCS Tân Hưng	5.75	5.25	4.00	15.00
446	220446	Võ Ngọc Kim Tuyền	x	22/04/2010	THCS Tân Hưng	4.00	6.25	2.00	12.25
447	220447	Nguyễn Phạm Kim Tuyền	x	13/01/2010	THCS Phước Nguyên	5.25	4.50	5.00	14.75
448	220448	Đỗ Thị Ngọc Tuyền	x	06/02/2010	THCS Phước Hưng	4.50	7.75	4.00	16.25
449	220449	Trần Ngọc Minh Tuyết	x	14/11/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)				0.00
450	220450	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	x	07/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	7.00	7.25	7.00	21.25
451	220451	Võ Văn Khoa Tùng		27/10/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	9.00	8.00	23.25
452	220452	Nguyễn Viết Tùng		09/12/2010	THCS Long Toàn	6.00	9.00	2.25	17.25
453	220453	Trần Cẩm Tú	x	04/09/2010	THCS Long Toàn	6.00	8.75	4.25	19.00
454	220454	Trần Hà Cẩm Tú	x	17/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.75	9.00	6.50	21.25
455	220455	Phạm Minh Tú	x	04/07/2010	THCS Kim Đồng	6.00	6.25	9.25	21.50
456	220456	Văn Ngọc Minh Tú	x	13/11/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.25	6.75	4.50	15.50
457	220457	Cao Thị Ngọc Tú	x	18/09/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.75	4.50	3.75	14.00
458	220458	Nguyễn Tuấn Tú		08/02/2010	THCS ngoài tỉnh	6.00	8.00	6.25	20.25
459	220459	Vũ An Tường		08/12/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.75	8.25	6.25	20.25
460	220460	Dương Kiến Tường		05/05/2010	THCS Phước Hưng	4.75	7.50	5.00	17.25
461	220461	Nguyễn Minh Tường		14/09/2010	THCS Phước Nguyên	3.75	3.00	2.75	9.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
462	220462	Huỳnh Lê Bảo Uyên	x	19/12/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.25	7.75	5.50	18.50
463	220463	Ngô Thanh Vân	x	10/05/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.50	7.50	6.00	20.00
464	220464	Nguyễn Thị Vân	x	27/09/2010	THCS Phước Nguyên	6.75	6.75	8.00	21.50
465	220465	Trần Thị Khánh Vân	x	10/01/2010	THCS Kim Đồng	5.00	6.25	5.50	16.75
466	220466	Vũ Hoàng Thảo Vi	x	31/01/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.75	6.00	3.50	15.25
467	220467	Lâm Ngọc Tường Vi	x	16/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.25	5.25	3.00	14.50
468	220468	Thái Ngọc Tường Vi	x	06/09/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.75	4.50	6.75	18.00
469	220469	Nguyễn Thị Thảo Vi	x	15/10/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.75	7.25	3.50	16.50
470	220470	Đặng Hoàng Việt		06/11/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.75	5.50	7.50	18.75
471	220471	Phạm Hoàng Việt		28/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	5.00	6.00	8.75	19.75
472	220472	Phan Quốc Việt		05/05/2010	THCS Phước Nguyên	4.50	4.75	7.50	16.75
473	220473	Nguyễn Trung Việt		26/03/2009	THCS Phước Nguyên	6.00	5.25	2.25	13.50
474	220474	Phạm Tuấn Việt		13/12/2010	THCS Lê Quang Cường	5.75	8.00	8.25	22.00
475	220475	Nguyễn Phúc Vinh		22/12/2009	THCS Kim Đồng	5.75	7.75	7.00	20.50
476	220476	Trần Quang Vinh		09/06/2010	THCS Kim Đồng	4.50	5.75	4.25	14.50
477	220477	Trần Long Vũ		25/05/2010	THCS Phước Hưng	6.50	8.50	6.00	21.00
478	220478	Nguyễn Thanh Vũ		10/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	4.75	8.00	4.25	17.00
479	220479	Trang Trường Vũ		20/12/2010	THCS Dương Văn Mạnh	6.25	8.00	5.00	19.25
480	220480	Thái Hà Vy	x	14/11/2010	THCS Phước Nguyên	6.50	7.25	7.75	21.50
481	220481	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	x	08/07/2010	THCS Phước Nguyên	5.00	8.75	5.25	19.00
482	220482	Nguyễn Ngọc Minh Vy	x	30/07/2010	THCS Lê Quang Cường	6.25	7.25	6.25	19.75
483	220483	Nguyễn Ngọc Phương Vy	x	22/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (BR)	6.25	6.50	6.25	20.00
484	220484	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	x	27/10/2010	THCS Tân Hưng	6.50	8.25	7.00	21.75
485	220485	Phạm Nhật Vy	x	16/05/2010	THCS Dương Văn Mạnh	7.50	8.75	7.00	23.25
486	220486	Trần Phương Vy	x	08/12/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	6.50	6.25	5.25	18.00
487	220487	Văn Yến Vy	x	01/07/2010	THCS Nguyễn Thanh Đăng	5.75	7.00	3.75	16.50
488	220488	Nguyễn Ngọc Vỹ		21/07/2010	THCS Tân Hưng	5.50	8.50	5.75	19.75
489	220489	Châu Mẫn Y	x	12/01/2010	THCS Phước Nguyên	5.75	6.00	2.75	14.50
490	220490	Nguyễn Hoàng Yến	x	07/05/2010	THCS Lê Quang Cường	4.50	5.00	8.00	17.50
491	220491	Nguyễn Ngọc Yến	x	24/10/2010	THCS Kim Đồng	4.00	5.25	2.75	12.00
492	220492	Đỗ Ngọc Như Ý	x	01/04/2010	THCS Nguyễn Du	6.25	8.75	5.50	20.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
493	220493	Nguyễn Thị Như Ý	x	18/09/2010	THCS Kim Đồng	6.00	6.50	6.50	19.00

Bảng này có 493 thí sinh. Có 487 thí sinh dự thi đủ môn.

* Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.